**Danh mục các chất POP và nội dung đăng ký miễn trừ theo quy định của Công ước Stockholm**

*(Phụ lục XVII kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy** | **Phụ lục của Công ước Stockholm** | **Lĩnh vực sử dụng** | **Hoạt động** | **Nội dung đăng ký miễn trừ của Công ước Stockholm** |
| 1 | Hexabromodiphenyl ether và Heptabromodiphenyl ether (HBDE) | A | Công nghiệp | Sản xuất | Không. |
| Sử dụng | Cho phép tái chế, sử dụng và tiêu hủy theo quy định của Công ước Stockholm. |
| 2 | Tetrabromodiphenyl ether và Pentabromodiphenyl ether (POP-BDE) | A | Công nghiệp | Sản xuất | Không. |
| Sử dụng | Cho phép tái chế, sử dụng và tiêu hủy theo quy định của Công ước Stockholm. |
| 3 | Các axit Perfluorooctane sulfonic, muối của chúng (PFOS) và perfluorooctane sulfonyl fluoride (PFOSF) | B | Công nghiệp, nông nghiệp | Sản xuất | - Không được đăng ký miễn trừ riêng biệt.  - Là hợp chất trung gian trong trường hợp đăng ký miễn trừ theo mục đích. |
| Sử dụng | - Được đăng ký miễn trừ riêng biệt đối với các lĩnh vực:  + Mạ kim loại (mạ kim loại cứng) chỉ trong hệ thống khép kín;  + Bọt chữa cháy (cho đám cháy loại B) trong các hệ thống đã lắp đặt, bao gồm cả hệ thống cố định và di động.  - Được đăng ký miễn trừ theo mục đích đối với lĩnh vực: Bả côn trùng bằng sulfluramid (số CAS 4151-50-2) như hoạt chất nhằm kiểm soát kiến xén lá từ Atta spp. và Acromyrmex spp., chỉ sử dụng trong lĩnh vực nông nghiệp. |
| 4 | Hexabromocyclododecane (HBCDD) | A | Công nghiệp | Sản xuất | Được sản xuất đối với lĩnh vực: Vật liệu cách nhiệt (expanded polystyre–e - EPS và extruded polystyre–e - XPS) trong xây dựng/tòa nhà. |
| Sử dụng | Vật liệu cách nhiệt EPS và XPS được sử dụng trong xây dựng/tòa nhà. |
| 5 | Polychlorinated naphthalene (PCN) | A, C | Nông nghiệp, phát sinh không chủ định | Sản xuất | Là hợp chất trung gian, bao gồm octafluoronaphthalene. |
| Sử dụng | Sử dụng trong các sản phẩm chứa PCN trong lĩnh vực nông nghiệp, bao gồm octafluoronaphthalene. |
| 6 | Decabromodiphenyl ether (DBDE) | A | Công nghiệp | Sản xuất | Cho phép sản xuất theo quy định của Công ước Stockholm. |
| Sử dụng | Được sử dụng trong các lĩnh vực:  - Các bộ phận của phương tiện giao thông (sử dụng làm vật liệu cách nhiệt, hệ thống dây điện, vải bọc...);  - Máy bay và các phụ tùng thay thế kèm theo (đối với máy bay đang sử dụng trước tháng 12/2018 và nhận trước tháng 12/2022);  - Các sản phẩm dệt may có chứa chất chống cháy, trừ quần áo và đồ chơi;  - Phụ gia trong các sản phẩm nhựa gia dụng, thiết bị điện và thiết bị gia dụng (thiết bị sưởi ấm, bàn là, quạt) chứa hoặc tiếp xúc trực tiếp với các bộ phận điện hoặc yêu cầu tuân thủ theo tiêu chuẩn chống cháy với nồng độ thấp hơn 10% trọng lượng của thiết bị;  - Bọt polyurethane cách nhiệt trong lĩnh vực xây dựng. |
| 7 | Các paraffin mạch ngắn chứa clo (SCCP) | A | Công nghiệp | Sản xuất | Cho phép sản xuất theo quy định của Công ước Stockholm. |
| Sử dụng | Được sử dụng trong các lĩnh vực:  - Phụ gia trong sản xuất cao su;  - Chất làm chậm cháy trong cao su, mực, keo dính và chất phủ bề mặt;  - Sơn chống cháy và chống thấm;  - Chế phẩm chứa dầu trong sản xuất da;  - Sản xuất các loại ống cho bóng đèn trang trí ngoài trời;  - Phụ gia trong dầu bôi trơn hoặc chất làm lạnh trong cắt kim loại hoặc tạo hình kim loại;  - Chất làm dẻo thứ cấp trong polyvinyl chloride, ngoại trừ trong đồ chơi và sản phẩm dành cho trẻ em. |
| 8 | Perfluorooctanoic acid (PFOA), muối của chúng và các hợp chất liên quan đến PFOA | A | Công nghiệp | Sản xuất | - Không được sản xuất trong bọt chữa cháy.  - Các lĩnh vực sản xuất khác được thực hiện theo quy định của Công ước Stockholm. |
| Sử dụng | Được sử dụng trong các lĩnh vực:  - Lớp phủ chụp ảnh được áp dụng trong tráng phim;  - Lớp phủ hình ảnh áp dụng cho phim;  - Dệt may (làm chất chống thấm dầu và nước);  - Thiết bị y tế dùng cho cấy ghép;  - Bọt chữa cháy (đám cháy loại B);  - Sản xuất polytetrafluoroetylen (PTFE) và polyvinylidene fluoride (PVDF): Dùng trong màng lọc khí hiệu suất cao, chống ăn mòn, màng lọc nước và màng lọc khí kháng khuẩn cho lĩnh vực y tế; thiết bị trao đổi khí thải công nghiệp; chất bịt kín công nghiệp có khả năng ngăn chặn rò rỉ các hợp chất hữu cơ dễ bay hơi và bụi PM2.5;  - Sản xuất polyfluoroetylen propylene (FEP) dùng trong lĩnh vực dây và cáp điện cao thế để truyền tải điện;  - Sản xuất fluoroelastomers để sản xuất vòng chữ O, đai và phụ kiện nhựa cho nội thất ô tô;  - Sản xuất dược phẩm. |